

QUỸ ETF MAFM VN30

Số/No.: 191 /2020/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020
Hanoi, day 18 month 12 year 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol*: FUEMAV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 17/12/2020
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
I.	Chứng khoán/ <i>Stock</i>		
1	BID	240	0.9%
2	CTG	1,110	3.2%
3	EIB	1,340	1.9%
4	FPT	930	4.4%
5	GAS	140	1.0%
6	HDB	1,660	3.1%
7	HPG	2,720	8.7%
8	KDH	540	1.3%
9	MBB	2,480	4.6%
10	MSN	610	4.3%
11	MWG	440	4.2%
12	NVL	510	2.8%
13	PLX	200	0.9%
14	PNJ	260	1.7%
15	POW	700	0.7%
16	REE	200	0.8%
17	ROS	840	0.2%
18	SAB	100	1.6%
19	SBT	350	0.6%
20	SSI	530	1.1%
21	STB	2,560	3.5%
22	TCB	3,660	8.5%
23	TCH	290	0.5%
24	VCB	610	5.0%
25	VHM	640	4.6%
26	VIC	920	8.1%
27	VJC	390	4.1%
28	VNM	980	9.0%
29	VPB	2,550	6.2%
30	VRE	700	1.8%
II.	Tiền / <i>Cash (VND)</i>	10,130,163	



- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,199,289,900 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,209,420,063 VND
 - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 10,130,163 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) <i>Substitution cash per securities (VND)</i>	Đối tượng áp dụng <i>Applied to</i>	Lý do <i>Reason</i>
1	BID	47,400	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 210/2012/TT-BTC / <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TTBTC</i>
2	EIB	17,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
3	FPT	57,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
4	MBB	22,250	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	MWG	115,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	PNJ	77,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	REE	47,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	TCB	27,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	VPB	29,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
State if component securities shall have corporate action:
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 17/12/2020	Kỳ trước/Last period 16/12/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	10	11	(1)
Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	16,100,000	15,100,000	1,000,000
Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	11,990	12,090	(100)
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	180,547,965,756	169,318,808,854	11,229,156,902
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,195,681,892	1,209,420,063	(13,738,171)
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	11,956.82	12,094.20	(137.38)
Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,016.95	1,029.72	(12.77)

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative



Huh Hong Suk